CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cao su Hòa Bình

Ngày 30/06/2025	31,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	-	-

DT thuần
Q2/25
59.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.2| 59.4%
YoY: ▲ 41.2| 225%

LN thuần
Q2/25
1.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01| 0.4%
YoY: ▲ 2.72| 243%

LN sau thuế
Q2/25
3.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.89| 132%
YoY: ▲ 2.82| 564%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
10.5%
YoY: +/-▼ 2.4%

ROE (TTM)
Q2/25
12.2%
YoY: +/-▲ 0.7%

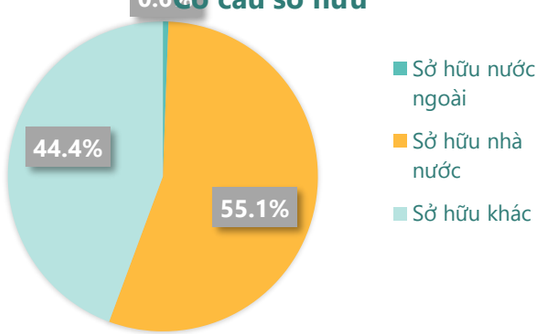
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	29,100 - 49,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	964
Số lượng CPLH (CP)	30,206,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	690
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.75
EPS	2,298
P/E	13.9

DT thuần
6T 2025
96.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.6| 105%

LN thuần
6T 2025
3.19
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.54| 195%

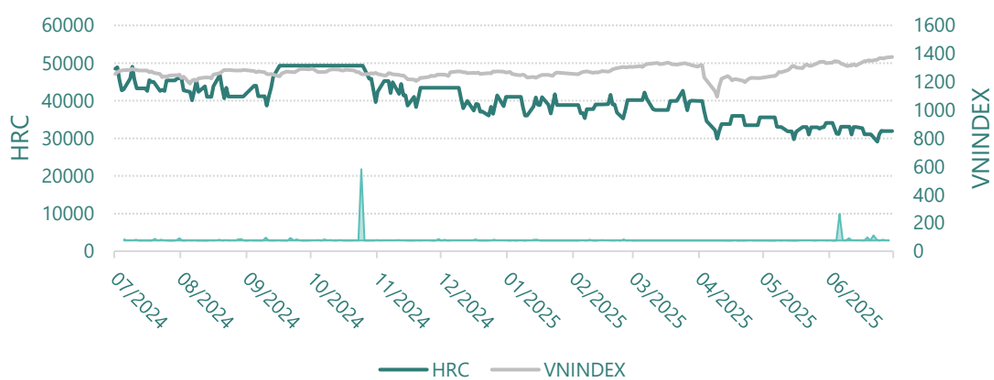
LN sau thuế
6T 2025
4.75
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.84| 421%

Cơ cấu sở hữu

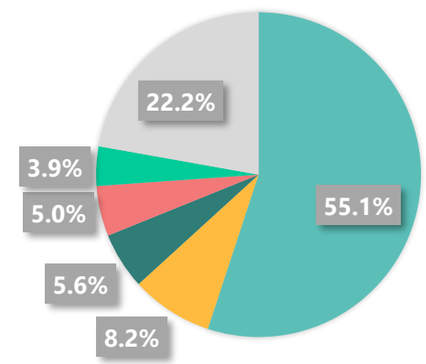


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



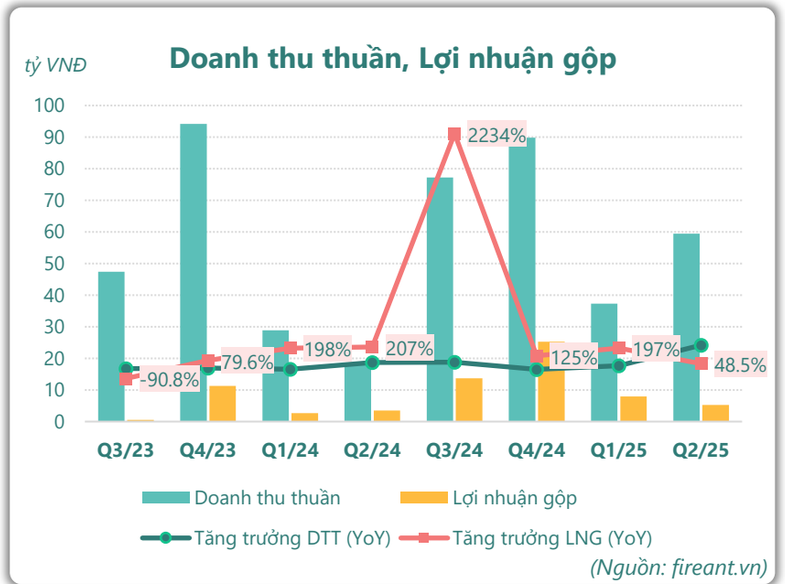
Cơ cấu cổ đông

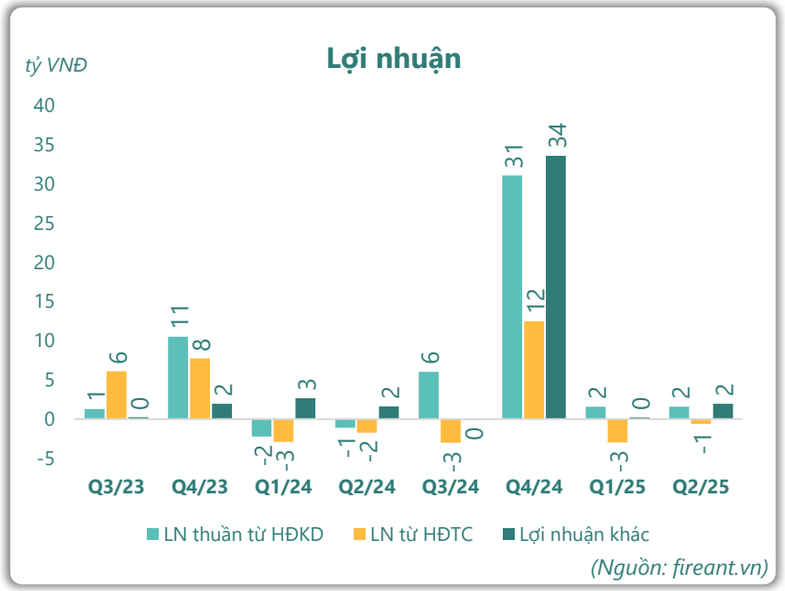


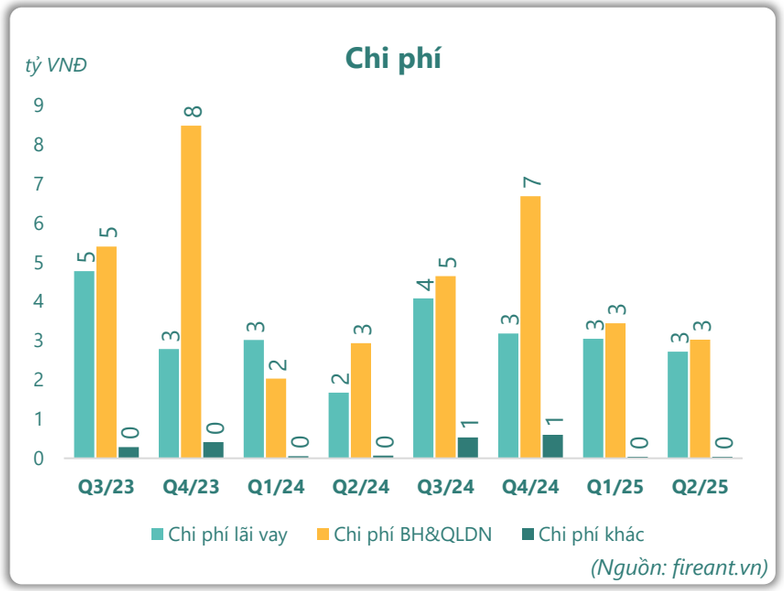
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
- Nguyễn Lượng Khoa Toàn
- Lê Thị Phương Nga
- Nguyễn Thanh Thùy Minh
- Trần Ngọc Xuân Trang
- Khác

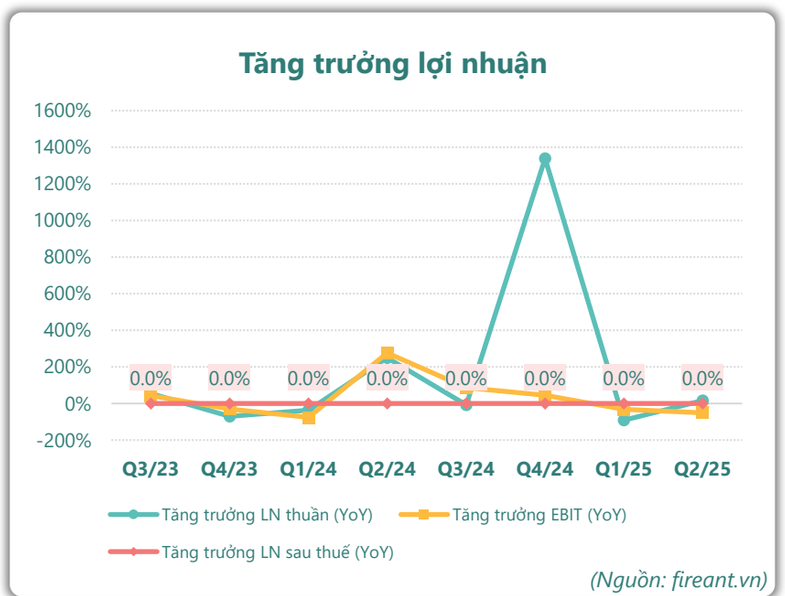
(Nguồn: fireant.vn)

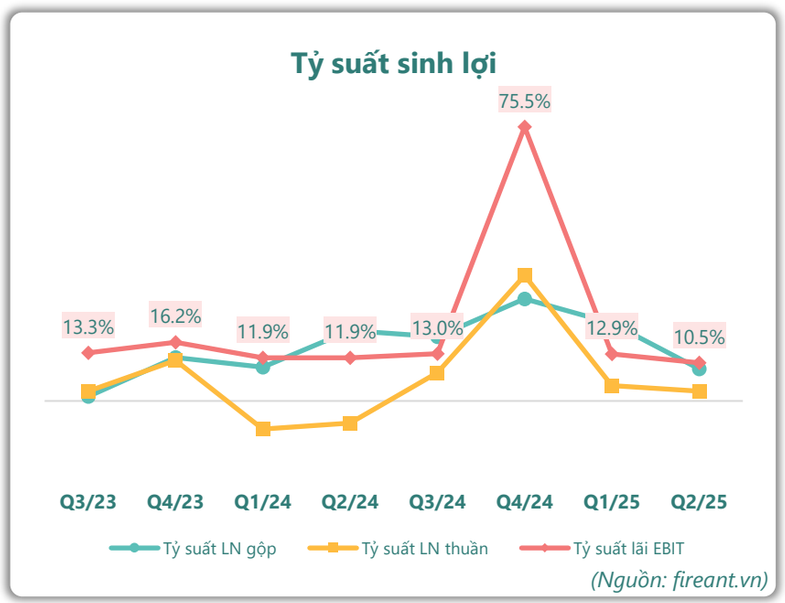
KẾT QUẢ KINH DOANH

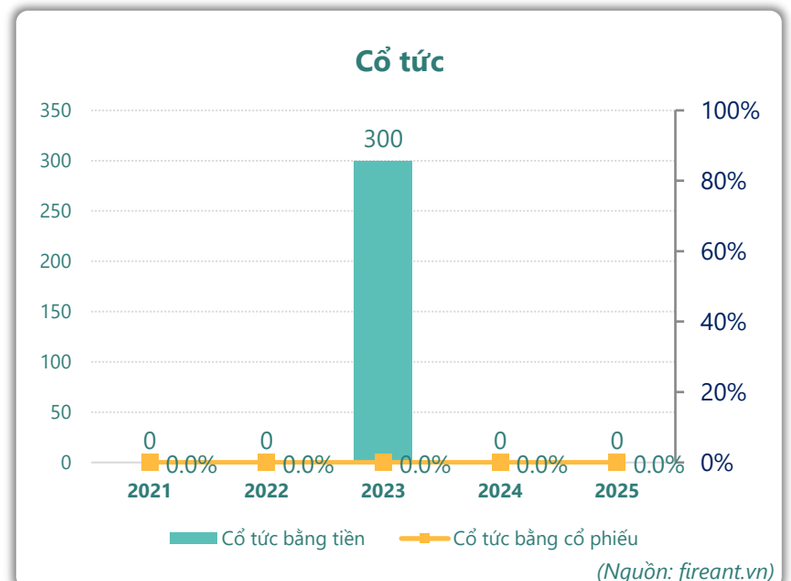






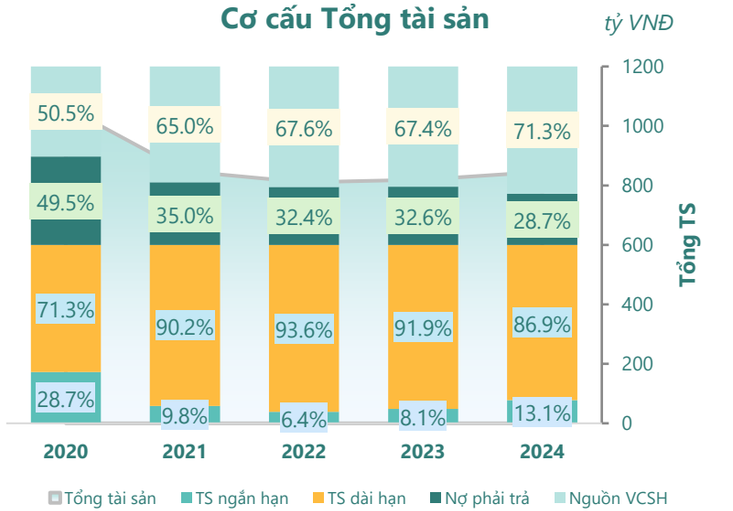






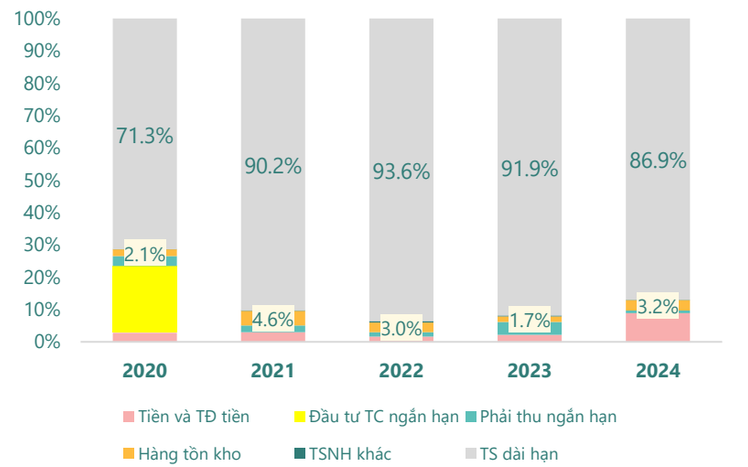
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



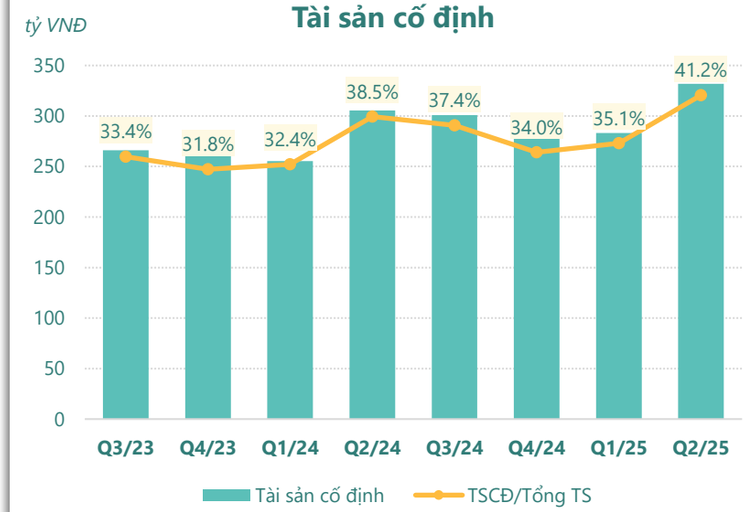
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



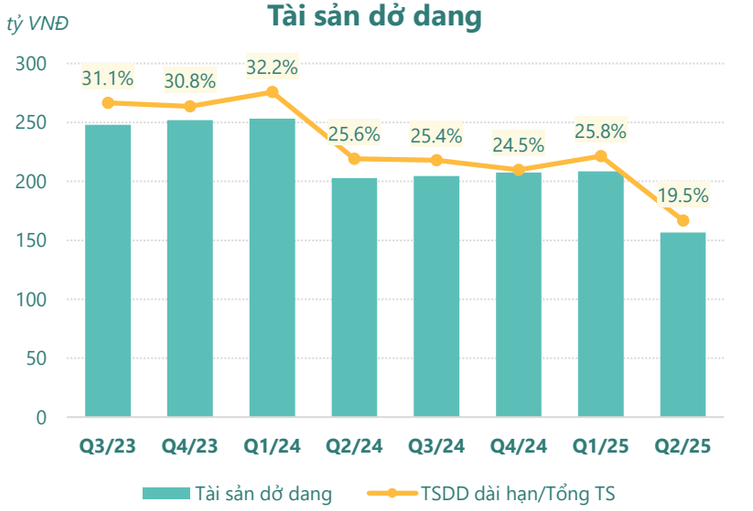
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



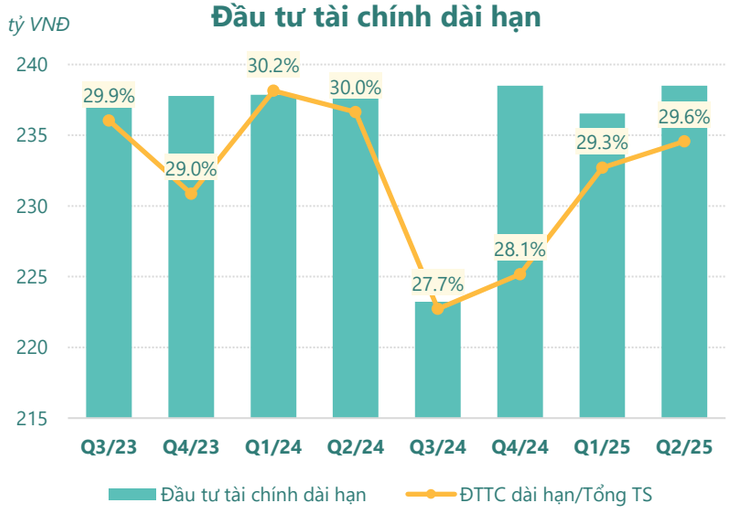
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



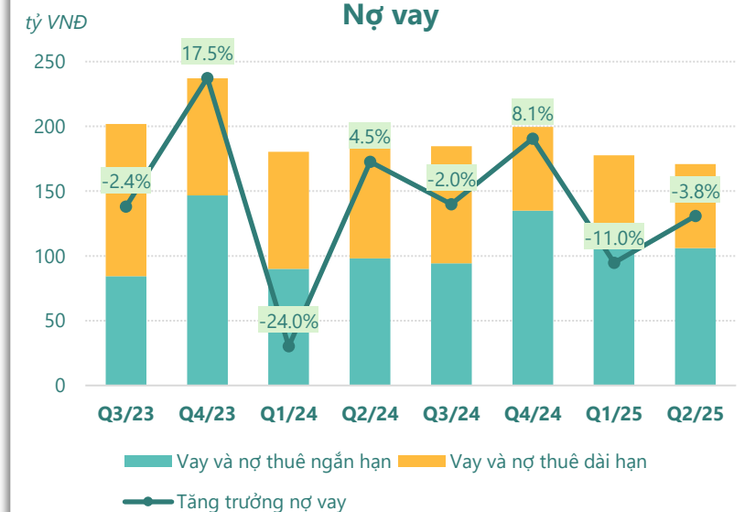
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

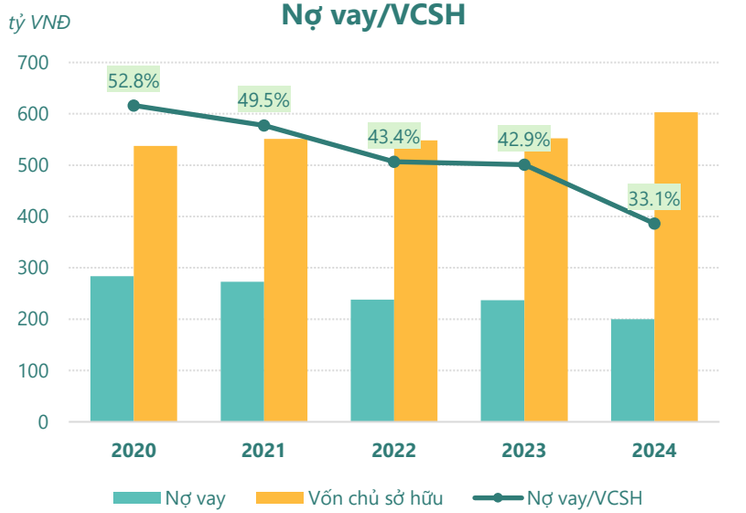
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

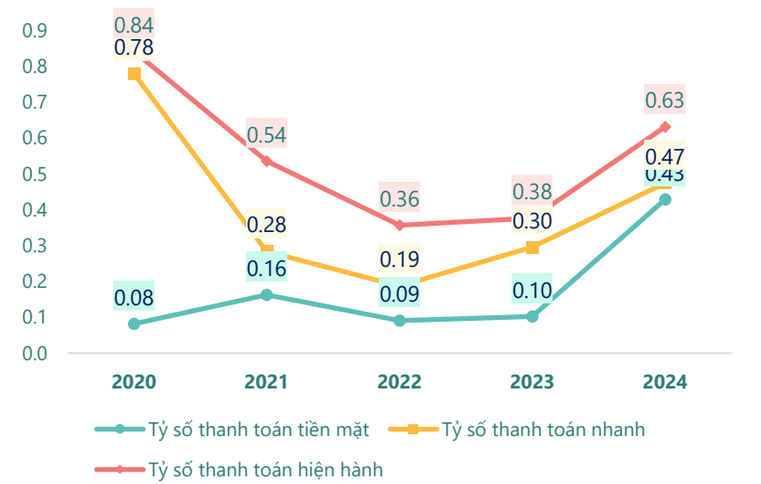
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



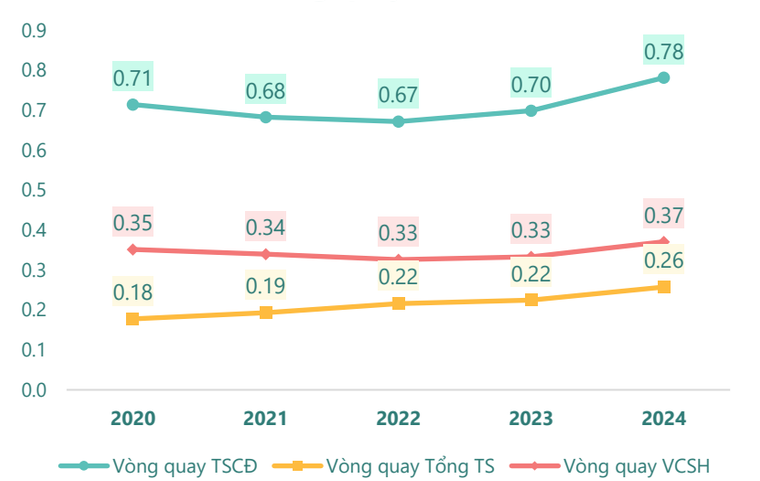
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



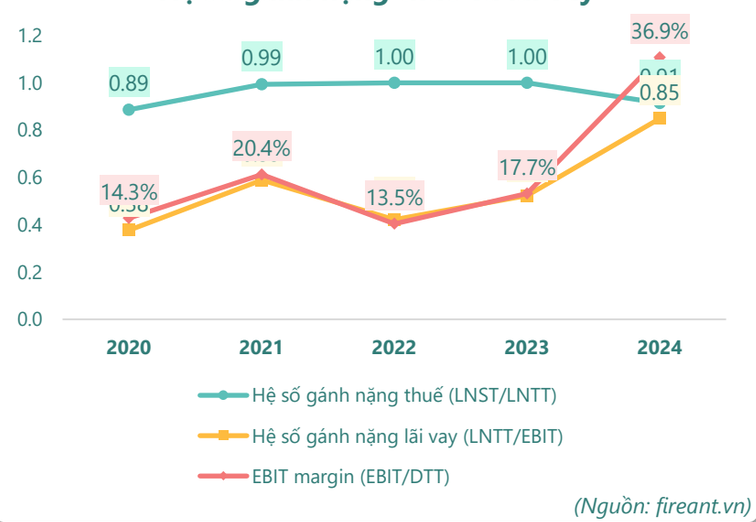
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



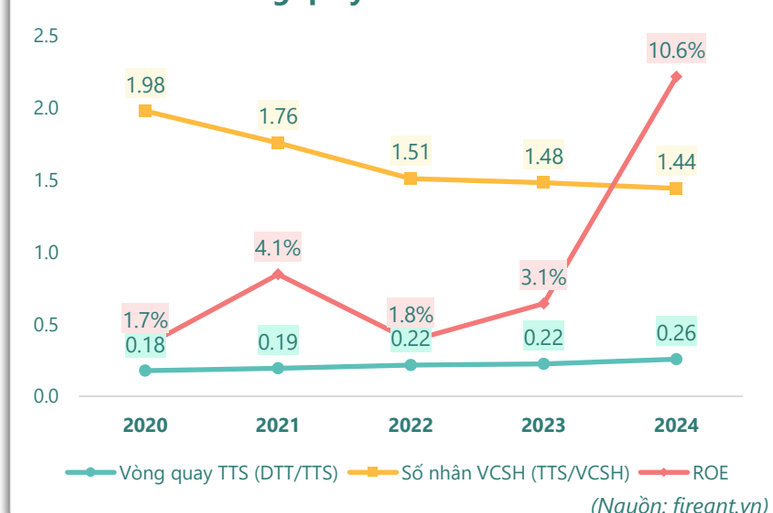
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



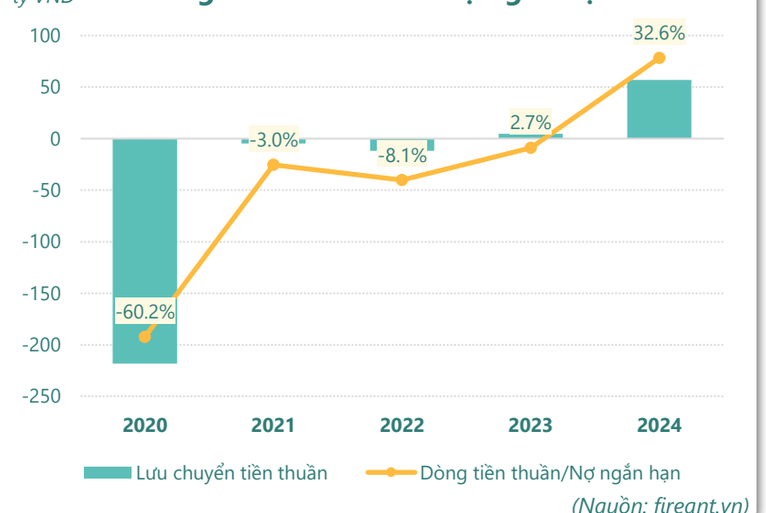
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**59.5**	**18.3**	**225%**	**96.8**	**47.2**	**105%**
Giá vốn hàng bán	54.2	14.7	269%	83.5	40.9	104%
Lợi nhuận gộp	5.26	3.55	48.3%	13.3	6.24	113%
Doanh thu HĐTC	0.24	0.07	248%	0.33	0.20	64.1%
Chi phí TC	0.88	1.80	-50.9%	3.93	4.82	-18.4%
Chi phí lãi vay	2.72	1.67	62.7%	5.76	4.69	22.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.53	0.33	60.0%	0.77	0.68	13.5%
Chi phí QLDN	**2.50**	**2.60**	**-3.9%**	**5.69**	**4.29**	**32.8%**
LN thuần từ HĐKD	1.60	-1.12	243%	3.19	-3.35	195%
Lợi nhuận khác	**1.94**	**1.61**	**20.2%**	**2.13**	**4.26**	**-50.1%**
LN trước thuế	3.53	0.50	607%	5.32	0.91	483%
Lợi nhuận sau thuế	**3.32**	**0.50**	**564%**	**4.75**	**0.91**	**421%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.32**	**0.50**	**564%**	**4.75**	**0.91**	**421%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	54.7	-4.47	24.8	-25.7	-25.0	18.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.26	-3.74	-2.69	53.8	-0.87	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-56.8	8.19	-3.79	15.0	-22.0	-6.82
Tiền đầu kỳ	18.0	13.6	13.6	31.9	75.0	27.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.37**	**-0.03**	**18.3**	**43.0**	**-47.9**	**11.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.01	0.04	0	0.00
Tiền cuối kỳ	13.6	13.6	31.9	75.0	27.1	38.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**805**	**846**	**-4.9%**
Tài sản ngắn hạn	73.5	110	-33.4%
Tiền và tương đương tiền	38.3	75.0	-49.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.72	7.17	-62.1%
Hàng tồn kho	32.5	27.4	18.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.83	-100%
Tài sản dài hạn	**731**	**736**	**-0.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	332	288	15.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	157	207	-24.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	239	237	0.8%
Tài sản dài hạn khác	**4.48**	**3.58**	**25.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	207	243	-14.7%
Nợ ngắn hạn	**139**	**175**	**-20.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	135	-21.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.49	5.00	29.9%
Nợ dài hạn	67.8	67.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	64.7	64.7	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**598**	**603**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**598**	**603**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	302	302	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)